

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HS-PT

Ngày: 28-6-2024

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tôn Văn Thông

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Phạm Văn Tỉnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Đặng Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

**Bị cáo có kháng cáo: Đặng Văn T**, sinh năm 1977 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T2 (chết) và bà Trần Thị D; vợ: Đỗ Thị P, sinh năm 1977; con: có 02 người con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

**Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Lữ Văn Th là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 11/7/2018, trong lúc uống rượu tại nhà của Trần Văn T3 (tên thường gọi là M), Đặng Văn T cho rằng Nguyễn Văn T4 có lời nói, hành vi trêu chọc mình và còn có hành vi thách T đâm T4. Do bức tức, T lấy con dao bấm bằng kim loại, loại dao xếp, có chiều dài khoảng 10cm, mũi dao nhọn mang theo sẵn trong người đâm 01 cái trúng vùng ngực trái của T4 gây thương tích, rồi T bỏ về nhà, T4 được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu - tỉnh Bến Tre.

Khi đâm T4 xong, T cầm theo con dao bấm đi về nhà, trên đường đi làm rơi mất con dao bấm. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T quay trở lại nhà T3 tiếp tục rủ uống rượu và hỏi thăm tình hình sức khỏe T4. Tại đây, T3 và T có xảy ra cự cãi việc đưa T4 đi bệnh viện nên T tức giận, lấy con dao Thái Lan trên bàn nhậu đâm về hướng T3 trúng tay trái và ngực T3 gây thương tích xây xát nhẹ. Sau đó, T3 được mọi người đưa đi khám tại Bệnh viện 120 - tỉnh Tiền Giang.

Vật chứng tạm giữ: 01 (một) con dao Thái Lan dài 18cm, cán bằng nhựa, màu đen, dài 10,5cm, lưỡi bằng kim loại, màu trắng, dài 7,5cm, có một cạnh sắc, mũi nhọn.

Đối với con dao bấm T sử dụng gây thương tích cho T4, quá trình điều tra không thu hồi được.

\* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 275-918/TgT ngày 05/10/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của Nguyễn Văn T4 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương ngang ngực trái khoảng liên sườn VII-VIII dài khoảng 07cm.
- + Siêu âm: Dịch ổ bụng lượng vừa;
- + Phẫu thuật: Mở bụng đường giữa trên và dưới rốn thấy vết thương thủng phúc mạc, thủng gan trái dài 03cm, sâu 03cm.
- + Hiện: Vết mổ đường giữa trên và dưới rốn lành sẹo, kích thước 12cm x 0,5cm. Vết thương ngực trái lành sẹo, kích thước 5,5cm x 0,3cm.

- Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 38%.

\* Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 756/KL-VPYTW ngày 16/10/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận đối với Đặng Văn T như sau:

+ Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay, đương sự bị hội chứng nghiện rượu sử dụng liên tục (F10.25 – ICD.10)/Lao phổi cũ.

+ Về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay, đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/4/2024, bị cáo Đặng Văn T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của Bản án sơ thẩm.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo là đúng quy định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định. Về tình tiết giảm nhẹ: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là chưa phù hợp nhưng không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo nên giữ nguyên. Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù và buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù là phù hợp; kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm; áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Văn T 03 (ba) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Đồng ý về tội danh đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên đã áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và giữ nguyên điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Về hình phạt đối với bị cáo, thấy rằng bị cáo bị bệnh lao phổi và đái tháo đường; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến kháng cáo của bị cáo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Do bức tức vì cho rằng Nguyễn Văn T4 trêu chọc mình nên vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 11/07/2018, tại nhà ông Trần Văn T3 ở ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, Đặng Văn T đã có hành vi dùng con dao bấm đâm trúng vùng ngực trái của bị hại Nguyễn Văn T4 gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 38%.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, mặc dù tại thời điểm gây án bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi nhưng không do bệnh lý tự phát sinh mà thuộc trường hợp do nghiện rượu sử dụng liên tục (F10.25 - ICD.10), vì vậy bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội theo quy định tại Điều 13 của Bộ luật Hình sự; bị cáo đã thực hiện hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm bị hại gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 38%; phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, nguyên nhân, hung khí gây án và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “*Dùng hung khí nguy hiểm*” và “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Văn T yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như *đã bồi thường thiệt hại cho bị hại* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội* theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có mẹ ruột bà Trần Thị D là người có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, vụ việc xảy ra có một phần lỗi của bị hại* theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 03 năm tù.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Chỉ vì nguyên cơ nhỏ nhen mà bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm đem theo sẵn trong người đâm gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ thương tật 38%; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, có tính chất côn đồ, phạm tội có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm, thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn; bị cáo không chỉ

gây thương tích cho bị hại như nêu trên mà sau đó trong cùng một ngày đã dùng dao thái lan đâm gây thương tích cho ông Trần Văn T3, do ông T3 từ chối giám định tỷ lệ thương tật và không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm không đề cập xử lý. Mặt khác, qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân bị cáo thấy rằng mặc dù bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng về nhân thân bị cáo là không tốt vì trước đó bị cáo đã từng 02 lần bị kết án, cụ thể tại Bản án số: 58/HSPT ngày 27/7/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 03 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”, chấp hành án xong ngày 01/9/2002; tại Bản án số: 61/2007/HSPT ngày 22/6/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 05 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”, chấp hành án xong ngày 24/01/2011; điều đó đã minh chứng bị cáo cố ý thức xem thường pháp luật và sức khỏe của người khác. Đối với việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi là do bị hội chứng nghiện rượu sử dụng liên tục (F10.25 – ICD.10) mà không phải do bệnh lý tự phát sinh, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ *“Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình”* theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là chưa phù hợp, tuy nhiên do không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên. Tại cấp phúc thẩm bị cáo nêu lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn; mẹ già yếu không ai chăm sóc; bị cáo là lao động chính trong gia đình đang phải điều trị bệnh rối loạn chức năng gan, tăng acid máu, viêm da, đa u mỡ vùng cổ, đái tháo đường để yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Tuy nhiên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo các điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đã có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, vì vậy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không có cơ sở xem xét. Mặt khác, do bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ và trước đó đã 02 lần bị kết án, tuy đã được xóa án tích nhưng lần phạm tội này thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, vì vậy kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo cũng không có cơ sở xem xét. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt cũng như biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị

cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để xem xét kháng cáo của bị cáo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Về trách nhiệm hình sự:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Văn T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 03 (ba) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

**2. Về án phí:** Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

**3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.**

**4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

#### **Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C (3b);
- VKSND huyện C (1b);
- Công an huyện C (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND xã A, huyện C (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tôn Văn Thông**